

Số: 3255/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề án tuyển sinh đào tạo liên thông,
vừa làm vừa học trình độ đại học năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Chính phủ về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông trình độ trung cấp, cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;


Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Đề án tuyển sinh đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học năm 2023”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, các Trường đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu: VT, TT GDTX. 


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC

Bùi Văn Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học năm 2023
(Ban hành kèm theo QĐ số 3255/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 12 năm 2022)

PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG

1.1. GIỚI THIỆU VỀ NHÀ TRƯỜNG VÀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1.1.1. Quá trình phát triển

Trường Đại học Hồng Đức là trường đại học công lập, đào tạo đa ngành, trực thuộc địa UBND tỉnh Thanh Hóa và chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành Trung ương.

Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, như: Giáo viên các cấp học, ngành học; cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp đáp ứng nhu cầu của các địa phương; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và trong cả nước.

Đến nay, Nhà trường đang tuyển sinh đào tạo 04 chuyên ngành tiến sĩ, 19 chuyên ngành thạc sĩ, 32 ngành trình độ đại học và 01 ngành cao đẳng giáo dục mầm non.

Về tổ chức bộ máy của Nhà trường thường xuyên được rà soát, kiện toàn để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định Nhà nước. Cơ cấu tổ chức, quản trị Nhà trường gồm: Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu; Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Hội đồng tư vấn; 29 đơn vị thuộc và trực thuộc (12 khoa, 8 phòng, 7 trung tâm, 1 ban và 1 trường mầm non thực hành), cụ thể:

- 12 khoa đào tạo gồm:

+ Khoa Khoa học Tự nhiên: Đào tạo 06 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*Toán giải tích, Phương pháp toán sơ cấp; Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, Thực vật học, Động vật học, Hóa hữu cơ*); giáo viên các ngành: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Khoa học Tự nhiên có trình độ đại học.

+ Khoa Khoa học Xã hội: Đào tạo 03 chuyên ngành trình độ tiến sĩ (*Văn học Việt Nam, Lịch sử Việt Nam, LL&PPDH Văn-Tiếng Việt*); 05 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, LL&PP dạy học Văn – Tiếng Việt, Lịch sử Địa lý học*); đào tạo giáo viên các ngành: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý có trình độ đại học; cử nhân các ngành: Địa lý, Việt Nam học, Xã hội học, Quản lý tài nguyên và Môi trường, Du lịch.

+ Khoa Ngoại ngữ: Đào tạo giáo viên ngành tiếng Anh có trình độ đại học, cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh.

+ Khoa Tâm lý-Giáo dục: Đào tạo 01 chuyên ngành trình độ thạc sĩ *Quản lý giáo dục*, cử nhân ngành Tâm lý học.

+ Khoa Giáo dục Tiểu học: Đào tạo giáo viên Tiểu học có trình độ đại học.

- + Khoa Giáo dục Mầm non: Đào tạo giáo viên Mầm non có trình độ đại học, cao đẳng.
- + Khoa Giáo dục Thể chất: Đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất có trình độ đại học.
- + Khoa Lý luận chính trị-Luật: Đào tạo cử nhân ngành Luật và giảng dạy các môn khoa học Lý luận chính trị và Pháp luật cho SV toàn trường.
- + Khoa Nông-Lâm-Ngư nghiệp: Đào tạo 01 chuyên ngành trình độ tiến sĩ *Khoa học cây trồng*; 01 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*Khoa học cây trồng*) và kỹ sư ngành Quản lý đất đai, khoa học cây trồng, chăn nuôi – thú y có trình độ đại học.
- + Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh: Đào tạo 01 chuyên ngành trình độ tiến sĩ (*Quản trị kinh doanh*); 02 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*Quản trị kinh doanh, Kế toán*) và cử nhân các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế, Kiểm toán.
- + Khoa Kỹ thuật - Công nghệ: Đào tạo 02 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*Vật lý chất rắn, Kỹ thuật xây dựng*) và kỹ sư các ngành: Kỹ thuật điện, Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật môi trường.
- + Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông: Đào tạo 01 chuyên ngành thạc sĩ *Khoa học máy tính*, giáo viên ngành SP Tin học có trình độ đại học, cử nhân ngành Công nghệ thông tin.

- 8 phòng, gồm: QL đào tạo, QL đào tạo Sau đại học, QL Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Giáo dục chính trị và Công tác HSSV, Kế hoạch – Tài chính, Hành chính – Tổ chức – Quản trị, Đảm bảo chất lượng – Khảo thí, Thanh tra – Pháp chế.

- 7 trung tâm, gồm: Giáo dục thường xuyên, Giáo dục quốc tế, Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Thông tin - Thư viện, Công nghệ thông tin và truyền thông, Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, Tư vấn kiểm định xây dựng và môi trường.

- Ban quản lý ký túc xá, y tế và an ninh trật tự.

- Trường Mầm non thực hành.

Hiện nay, Nhà trường có 651 cán bộ, giảng viên và người lao động, trong đó giảng viên là 412 người (chiếm 63,29%); trong đó 145 giảng viên có trình độ tiến sĩ, đạt 35,19%, 27 Phó Giáo sư, đạt 6,55%; có 139 giảng viên có thể sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong giảng dạy, chiếm 34,2% giảng viên.

1.1.2. Sứ mệnh của nhà trường

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực, có chất lượng cao, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ giáo dục và đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

1.1.3. Địa chỉ trụ sở

Cơ sở chính: Số 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa

1.1.4. Địa chỉ trang website: <http://www.hdu.edu.vn>

1.1.5. Địa chỉ các trang mạng xã hội: <https://zalo.me/3813136038332668260>,
<https://www.tiktok.com/@hongducuniversity>, <https://www.facebook.com/DHHongDuc>,
<https://www.youtube.com/channel/UC8q2O8hI1co5bmOFFj7i-Q>.

1.1.6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: TS. Phạm Văn Hiền, Giám đốc TT GDTX: 0918068689; TS. Cao Xuân Hải, Phó Giám đốc: 0835281236, CV. Nguyễn Thị Thùy Linh: 0989933886.

1.2. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1.2.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a. Diện tích đất

- Tổng diện tích đất của trường

Diện tích của Nhà trường	Đơn vị tính	Diện tích
Cờ sở 565 Quang Trung, phường Đông Vệ	m ²	384.000
Trung tâm Giáo dục quốc phòng - An ninh	m ²	94.000
Tổng	m²	478.000

- Số chỗ ở ký túc xá: 330 phòng/ 2.184 chỗ ở.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	315	25.250
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	12	3.000
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	23	2.300
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	150	13.500
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	25	1.500
1.5	Số phòng học đa phương tiện	15	1.350
1.6	Phòng làm việc của GS, PGS, giảng viên cơ hữu	90	3.600
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	2.685
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	35	4.920
4	Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo		103.630
5	Tổng diện tích đất		46,4 ha

b. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng bản	Số đầu sách
1	Nhóm ngành I	78335	5451
2	Nhóm ngành III	6167	802
3	Nhóm ngành V	11777	2428
4	Nhóm ngành VII	16081	2035

c. Về đội ngũ giảng viên cơ hữu

GS	PGS	TS	ThS	ĐH	Ghi chú
0	27	145	237	3	

d. Kiểm định chất lượng

Nhà trường đã kiểm định chất lượng giáo dục Trường, chu kỳ 2 (QĐ số 593/QĐ-KĐCL ngày 09/8/2022 của Trung tâm KĐCLGD – ĐH QGHN) và 14 chương trình đào tạo được đã được kiểm định, gồm: Đại học Giáo dục Tiểu học và Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Toán, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử và Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Kế toán, Sư phạm Địa lý, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non, chăn nuôi, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Quyết định số 411, 412/QĐ-KĐCL ngày 14/10/2019; QĐ số 403, 404, 405 và 406/QĐ-KĐCL ngày 13/9/2021; QĐ số 210, 211, 212 và 213/QĐ-KĐCL ngày 30/3/2022; QĐ số 634, 635, 636, 637/QĐ-KĐCL ngày 24/8/2022 của Trung tâm KĐCLGD-ĐH QGHN).

1.2.2. Quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo liên thông, VLVH trình độ đại học (tính đến 31/12/2022) là 4.156 sinh viên, cụ thể:

TT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
I	Liên thông hình thức đào tạo chính quy								1398
1.1	SP Toán học	3							3
1.2	SP Vật lý	2							2
1.3	SP Hoá học	3							3
1.4	SP Sinh học	1							1
1.5	SP Ngữ văn	0							0
1.6	SP Lịch sử	1							1
1.7	SP Địa lý	0							0
1.8	SP Tiếng Anh	52							52
1.9	GD Tiểu học	241							241
1.10	GD Mầm non	169							169
1.11	GD Thể chất	112							112
1.12	Luật			255					255
1.13	Kế toán			160					160
1.14	QTKD			50					50
1.15	TC-NH			66					66
1.16	CNTT					63			63
1.17	KT xây dựng					58			58

1.2.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

- Năm 2021, 2022, Nhà trường thực hiện công khai đầy đủ các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng (cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, quy mô đào tạo...), Đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, chỉ tiêu đào tạo, kết quả xét tuyển, danh sách trúng tuyển, nhập học trên các phương tiện thông tin đại chúng, website của Nhà trường, Trung tâm Giáo dục thường xuyên.

+ Năm 2021: Tuyển sinh 4 đợt (Đợt 1: Từ tháng 01 đến tháng 3; Đợt 2: Từ tháng 04 đến tháng 6; Đợt 3: Từ tháng 7 đến tháng 9 và Đợt 4: Từ tháng 10 đến tháng 12).

+ Năm 2022: Tuyển sinh 3 đợt (đợt 1: từ tháng 01 đến tháng 4; đợt 2: từ tháng 5 đến tháng 8 và đợt 3: từ tháng 9 đến tháng 12).

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

- Kết quả tuyển sinh .

+ Năm 2021

TT	Bậc	Chỉ tiêu	Kết quả tuyển sinh		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Liên thông chính quy	900	1106	100,27	
2	Liên thông vừa làm vừa học	1.800	1760	97,78	
3	Vừa làm vừa học từ THPT	100	26	26.00	

+ Năm 2022

TT	Bậc	Chỉ tiêu	Kết quả tuyển sinh		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Liên thông chính quy	467	310	66,38	
2	vừa làm vừa học				
2.1	Đào tạo theo NĐ 71	477	416	87,21	
2.2	Liên thông, vừa làm vừa học	983	628	63,88	

PHẦN 2
THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2023

2.1. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)			Ghi chú
			Liên thông chính quy	Liên thông vừa làm vừa học	Vừa làm vừa học	
Nhóm ngành I			236	179	640	
1.	Sư phạm Toán học	7140209	20	15	50	
2.	Sư phạm Vật lý	7140211	4	9	30	
3.	Sư phạm Hóa học	7140212	4			
4.	Sư phạm Sinh học	7140213	4			
5.	Sư phạm Ngữ văn	7140217	16	12	40	
6.	Sư phạm Lịch sử	7140218	6	10	30	
7.	Sư phạm Địa lý	7140219	6			
8.	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	30	23	75	
9.	Giáo dục Tiểu học	7140202	70	53	175	
10.	Giáo dục Mầm non	7140201	60	45	150	
11.	Giáo dục Thể chất	7140206	16	12	40	
12.	Sư phạm Tin học	7140210	0	0	25	
13.	Sư phạm KH Tự nhiên	7140247	0	0	25	
Nhóm ngành III			138	63	207	
14.	Kế toán	7340301	50	23	75	
15.	Quản trị kinh doanh	7340101	24	11	36	
16.	Tài chính-Ngân hàng	7340201	16	11	36	
17.	Kiểm toán	7340302	8			
18.	Luật	7380101	40	18	60	
Nhóm ngành V			40	19	81	
19.	Công nghệ thông tin	7480201	20	9	30	
20.	Kỹ thuật xây dựng	7580201	10	10	30	
21.	Kỹ thuật điện	7520201	10			
22.	Chăn nuôi-Thú y	7620106	0	0	21	
23.	Khoa học cây trồng	7620110	0			

Nhóm ngành VII			68	34	108	
24.	Kinh tế	7310101	8	16	48	
25.	Du lịch	7810101	8			
26.	Quản lý TN và MT	7850101	4			
27.	Quản lý đất đai	7850103	0			
28.	Tâm lý học	7310401	8			
29.	Ngôn ngữ Anh	7220201	40	18	60	
Tổng cộng			482	295	1036	

2.2. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

2.2.1. Đối tượng tuyển sinh

a) Người đã có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

b) Người có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên.

2.2.2. Hình thức đào tạo: Chính quy, vừa làm vừa học.

- *Hình thức đào tạo chính quy:* Hoạt động giảng dạy từ 6h30' đến 21h30' các ngày từ thứ 2 đến thứ 7; những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo (thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến) có thể được thực hiện cả ngày chủ nhật.

- *Hình thức đào tạo vừa làm vừa học:* Hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày, trong tuần.

2.2.3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển. Phương thức thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển chỉ áp dụng đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên.

* Môn thi tuyển sinh

TT	Ngành tuyển	Môn thi tuyển		
		Cơ bản	Cơ sở ngành	Chuyên ngành
I. Liên thông từ trình độ cao đẳng trở lên với trình độ đại học				
1	ĐHSP Toán học	Giáo dục học	Đại số và Giải tích	PPDH Toán và TH giải toán
2	ĐHSP Vật lý	Giáo dục học	Vật lý đại cương	PPDH Vật lý
3	ĐHSP Hoá học	Giáo dục học	Hoá Vô cơ - Hữu cơ	PPDH Hóa học
4	ĐHSP Sinh học	Giáo dục học	Di truyền học	PPDH Sinh học
5	ĐHSP Ngữ văn	Giáo dục học	Văn học - Tiếng Việt	PPDH Ngữ văn
6	ĐHSP Lịch sử	Giáo dục học	Lịch sử Việt Nam	PPDH Lịch sử
7	ĐHSP Địa lý	Giáo dục học	Địa lí Kinh tế - Xã hội	PPDH Địa lý

8	ĐHSP Tiếng Anh	Giáo dục học	Kỹ năng đọc - viết Tiếng Anh	PPDH Tiếng Anh
9	ĐHGD Thể chất	Giáo dục học	LL&PP GDTC	Năng khiếu (<i>Bật xa tại chỗ và chạy 100m</i>)
10	ĐHGD Tiểu học	Giáo dục học	Toán và PPDH Toán Tiểu học	Tiếng Việt, Văn học và PPDH TV ở Tiểu học
11	ĐHGD Mầm non	Giáo dục học Mầm non	Vệ sinh - Phòng bệnh	Văn học, PPPT ngôn ngữ cho trẻ MN
II. Liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học				
1	ĐHGD Thể chất	Giáo dục học	LL & PP GDTC trong trường học	Năng khiếu (<i>Bật xa tại chỗ và chạy 100m</i>)
2	ĐHGD Tiểu học	Giáo dục học	Toán và PPDH Toán ở Tiểu học	Tiếng Việt, Văn học và PPDH TV ở Tiểu học
3	ĐHGD Mầm non	GDMN	Vệ sinh - Phòng bệnh	Văn học, PPPT ngôn ngữ cho trẻ MN

* Căn cứ hồ sơ, đối tượng tuyển sinh, Nhà trường sẽ tổ chức thi năng khiếu bắt buộc đối với thí sinh đăng ký dự tuyển vào các ngành GD Thể chất, GD Mầm non.

2.2.4. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào

a. Các ngành đào tạo giáo viên

- **Phương thức xét tuyển:** Thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh phải đạt một trong các tiêu chí sau:

(1) Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm TBC các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;

(2) Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

(3) Tốt nghiệp TC/ CĐ/ ĐH đạt loại giỏi trở lên;

(4) Tốt nghiệp trình độ TC/ CĐ/ ĐH đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

Riêng thí sinh xét tuyển vào đại học ngành Giáo dục Thể chất, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

(1) Học lực lớp 12 đạt loại khá hoặc điểm TBC các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên;

(2) Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

(3) Tốt nghiệp trình độ TC/ CĐ/ ĐH đạt loại khá trở lên.

- Đối với thí sinh đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo GV trước ngày 07/5/2020 nếu xét tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, ngưỡng đầu như sau: Xếp loại tốt nghiệp từ trung bình trở lên.

Phương thức thi tuyển: Tổng điểm 3 môn thi đạt từ 16.5 điểm trở lên, trong đó không có môn thi nào có điểm nhỏ hơn 3,0.

b. Các ngành đào tạo khác (ngoài nhóm ngành đào tạo giáo viên)

Thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh xếp loại tốt nghiệp từ trung bình trở lên.

2.3. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC TỪ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

2.3.1. Đối tượng tuyển sinh

Người có bằng tốt nghiệp THPT; người chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.3.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.3.3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng

- Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên

Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

Riêng đối với ngành Giáo dục Thể chất thí sinh phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

- Đối với nhóm ngành khác (ngoài ngành đào tạo giáo viên)

Thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh xếp loại tốt nghiệp từ trung bình trở lên.

2.4. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

Điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau: $ĐXT = TBC + ĐUT$

Trong đó:

+ TBC: Điểm trung bình chung học tập toàn khóa được ghi trong bảng điểm trung cấp, cao đẳng, đại học đối với thí sinh nộp để xét tuyển đầu vào tuyển sinh đào tạo liên thông hoặc điểm của 3 môn thi tuyển sinh; điểm trung bình chung 3 năm THPT đối với thí sinh nộp để xét tuyển đầu vào đại học vừa làm vừa học từ THPT.

+ ĐUT: Điểm ưu tiên khu vực và đối tượng được quy định trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điểm xét tuyển được lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Thí sinh có cùng mức điểm khi xét tuyển thì dựa vào điểm thực tập tốt nghiệp đối với thí sinh tuyển sinh đào tạo liên thông; dựa vào học lực lớp 12 đối với thí sinh tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học để xét tuyển.

2.5. PHẠM VI TUYỂN SINH

Tuyển sinh trên toàn quốc.

2.6. THỜI GIAN TUYỂN SINH

Thời gian tuyển sinh (dự kiến): 3 đợt (đợt 1: từ tháng 01 đến tháng 4/2023, đợt 2: Từ tháng 5 đến tháng 8/2023, đợt 3: từ tháng 9 đến tháng 12/2023)

2.7. HỒ SƠ TUYỂN SINH VÀ HÌNH THỨC NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN

2.7.1. Hồ sơ tuyển sinh

- Phiếu đăng kí dự tuyển ghi đầy đủ các nội dung trong phiếu (theo mẫu);

- 03 bản sao công chứng: Bằng tốt nghiệp và bảng điểm tương ứng với đối tượng xét tuyển;
- 03 bản sao công chứng: Bằng THPT và học bạ THPT (nếu xét tuyển từ THPT);
- Quyết định hoặc công văn cử đi đào tạo đạt chuẩn của cơ quan quản lý (đối với những GV được cử đi đào tạo theo ND 71/2020/NĐ-CP của Chính phủ);
- Xác nhận thời gian công tác (đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên);
- Giấy xác nhận được hưởng chế độ ưu tiên (nếu có);
- Bản sao giấy khai sinh;
- Bản sao chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;
- 2 ảnh 3 x 4 (sau ảnh ghi họ và tên, ngày tháng năm sinh);
- 2 phong bì dán tem, ghi họ tên, địa chỉ người nhận.

2.7.2. Hình thức nhận hồ sơ đăng ký tuyển sinh

Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Bưu điện về địa chỉ: Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Phòng 202, Nhà điều hành, Trường Đại học Hồng Đức (số 565, Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa).

2.8. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

TT	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo
1	Liên thông từ trình độ cao đẳng trở lên với trình độ đại học	1,5 năm đến 3 năm
2	Liên thông từ trình độ trung cấp lên với trình độ đại học	2,5 năm đến 5 năm
3	Liên thông từ trình độ trung cấp lên với trình độ cao đẳng	1,5 năm đến 3 năm
4	Đại học vừa làm vừa học từ THPT	4 năm đến 6 năm

2.9. QUY ĐỊNH VỀ HỌC PHÍ

- Nhà trường quy định mức thu học phí cho từng năm học.
- Năm học 2022-2023, mức thu học phí các loại hình đào tạo như sau:

TT	Khối ngành/chuyên ngành đào tạo	Học phí
I.	Mức học phí chính quy đối với đào tạo trình độ đại học	
1.1	Khoa học xã hội, Kinh tế, Luật; Nông, Lâm, Thủy sản	228.300
1.2	Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật, Công nghệ; Thể dục thể thao, Ngoại ngữ	273.300
II	Mức học phí chính quy đối với đào tạo trình độ cao đẳng	
2.1	Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, Lâm, Thủy sản	130.000
2.2	Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật, Công nghệ; Thể dục thể thao; Ngoại ngữ	156.000
III	Mức học phí vừa làm vừa học đối với đào tạo trình độ đại học	
3.1	Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, Lâm, Thủy sản	342.500
3.2	Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật, Công nghệ; Thể dục thể thao; Ngoại ngữ	410.000

Đơn vị tính: nghìn đồng/tín chỉ

2.10. ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM

Trung tâm Giáo dục thường xuyên chịu trách nhiệm tham mưu cho Ban giám hiệu trong công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học; tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. *TV*

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng